

BÁO CÁO
Quyết toán ngân sách địa phương năm 2019

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định về thời gian gửi báo cáo, mẫu biểu đảm bảo lập kế hoạch tài chính 05 địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương các cấp;

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/12/2018 của HĐND huyện Tủa Chùa về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện Tủa Chùa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019.

UBND huyện Tủa Chùa báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2019, như sau:

I. QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

1. Quyết toán thu ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2019: 723.109.698.443 đồng, trong đó, ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 721.681.629.015 đồng, đạt 134% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

1.1. Thu ngân sách trên địa bàn: 15.502.852.501 đồng, trong đó ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 14.074.783.073 đồng, đạt 94% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể:

- Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 10.322.668.773 đồng, đạt 107% dự toán HĐND huyện giao.

- Thuế thu nhập cá nhân: 1.302.237.335 đồng, đạt 186% dự toán HĐND huyện giao.

- Lệ phí trước bạ: 1.047.858.710 đồng, đạt 55% dự toán HĐND huyện giao.

- Phí và lệ phí: 651.922.206 đồng, đạt 109% dự toán HĐND huyện giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 27.147.207 đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.351.552.439 đồng, đạt 74% dự toán HĐND huyện giao (trong đó thu từ đấu giá đất: 298.000.000 đồng).

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 111.618.500 đồng, đạt 223% dự toán HĐND huyện giao.

- Thu khác ngân sách: 687.847.331 đồng, đạt 92% dự toán HĐND huyện giao.

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 688.445.718.372 đồng, đạt 131% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 448.863.699.506 đồng, đạt 118% dự toán HĐND huyện giao.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 239.582.018.866 đồng, đạt 164% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể:

+ Bổ sung mục tiêu bằng vốn vay nợ nước ngoài: 1.327.279.866 đồng.

+ Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước: 238.254.739.000 đồng.

1.3. Thu kết dư: 1.166.251.894 đồng.

1.4. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 17.795.793.764 đồng.

1.5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 199.081.912 đồng.

2. Quyết toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương: 720.656.022.479 đồng, đạt 133% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 426.013.050.618 đồng, đạt 126% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

2.1.1. Chi đầu tư phát triển: 2.210.709.995 đồng, đạt 129% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể:

- Chi xây dựng cơ bản vốn trong nước (nguồn vốn WB): 48.781.000 đồng.

- Chi từ nguồn đấu giá đất: 883.989.995 đồng.

- Chi đầu tư khác (nguồn vốn xổ số kiến thiết): 1.277.939.000 đồng.

2.1.2. Chi thường xuyên: 423.802.340.623 đồng, đạt 108% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 27.911.012.872 đồng, đạt 116% dự toán HĐND huyện giao.

- Sự nghiệp môi trường: 1.949.875.000 đồng, đạt 97% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 55.580.000 đồng, đạt 29% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề: 254.798.888.288 đồng, đạt 108% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

+ Chi sự nghiệp giáo dục: 249.768.138.979 đồng, đạt 108% dự toán HĐND huyện giao.

+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 5.030.749.309 đồng, đạt 102% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp y tế - dân số và gia đình: 658.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 1.913.726.201 đồng, đạt 104% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: 1.963.489.790 đồng, đạt 99% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 563.598.000 đồng, đạt 97% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi đảm bảo xã hội: 11.901.295.370 đồng, đạt 110% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi quản lý hành chính: 105.414.994.056 đồng, đạt 106% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi quốc phòng: 12.348.720.628 đồng, đạt 108% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi an ninh: 3.788.160.418 đồng, đạt 98% dự toán HĐND huyện giao.

- Chi khác (Ban chỉ đạo 160; chi hỗ trợ các đơn vị): 535.000.000 đồng.

2.2. Chi các Chương trình mục tiêu: 105.567.729.994 đồng, đạt 72% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

2.2.1. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 91.384.647.560 đồng, đạt 74% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể:

a) Chương trình giảm nghèo bền vững: 67.399.060.039 đồng, đạt 72% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

- Chương trình 30a: 50.225.722.359 đồng, đạt 66% dự toán HĐND huyện giao (vốn đầu tư: 40.568.150.851 đồng; vốn sự nghiệp: 9.657.571.508 đồng).

- Chương trình 135: 17.017.337.680 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao (vốn đầu tư: 12.882.778.739 đồng; vốn sự nghiệp: 4.134.558.941 đồng).

- Truyền thông và giảm nghèo thông tin: 72.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao.

- Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: 84.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao.

b) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 23.985.587.521 đồng, đạt 82% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

- Vốn đầu tư: 17.778.013.521 đồng.

- Vốn sự nghiệp: 6.207.574.000 đồng.

2.2.2. Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 14.183.082.434 đồng, đạt 61% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

a) Chi bổ sung mục tiêu (vốn đầu tư): Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư: 11.162.784.434 đồng.

b) Chi bổ sung (vốn sự nghiệp): 3.020.298.000 đồng, đạt 31% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

- Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội: 57.828.000 đồng, đạt 83% dự toán HĐND huyện giao.

- Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động: 19.300.000 đồng, đạt 97% dự toán HĐND huyện giao.

- Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư: 40.000.000 đồng, đạt 10% dự toán HĐND huyện giao.

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 427.170.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy: 115.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao.

- Chương trình mục tiêu đảm bảo an toàn giao thông: 26.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao.

- Kinh phí dịch tả lợn Châu phi (NSTW): 2.335.000.000 đồng.

2.3. Chi chuyển nguồn: 69.623.914.840 đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp huyện: 65.924.091.409 đồng.

- Ngân sách cấp xã: 3.699.823.431 đồng.

2.4. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới: 118.073.499.506 đồng.

2.5. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 1.377.827.521 đồng.

II. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Tổng quyết toán chi ngân sách cấp huyện: 599.291.340.917 đồng, đạt 111% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách: 356.356.865.808 đồng, đạt 109% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

1.1. Chi đầu tư: 433.570.995 đồng, đạt 32% dự toán HĐND huyện giao.

1.2. Chi thường xuyên: 355.923.294.813 đồng, đạt 109% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể:

1.2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: 24.908.347.701 đồng, đạt 121% dự toán HĐND huyện giao (Chi sự nghiệp nông nghiệp: 15.175.042.930 đồng; sự nghiệp thủy lợi: 4.746.407.908 đồng; sự nghiệp giao thông: 1.673.674.994 đồng; sự nghiệp kinh tế khác: 3.313.221.869 đồng).

1.2.2. Chi sự nghiệp môi trường: 148.500.000 đồng, đạt 83% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 55.580.000 đồng, đạt 29% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.4. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề: 254.438.888.288 đồng, đạt 108% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

- Chi sự nghiệp giáo dục: 249.768.138.979 đồng, đạt 108% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú, trường bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP: 35.115.715.500 đồng; cấp bù miễn giảm học phí và chi phí học tập theo Nghị định 86/NĐ-CP: 9.631.646.000 đồng; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi: 5.773.774.000 đồng; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 13/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính: 362.495.000 đồng; kinh phí để thực hiện chế độ phụ cấp dạy lớp ghép, dạy tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số năm 2018, năm 2019: 760.605.000 đồng.

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 4.670.749.309 đồng, đạt 102% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.5. Chi sự nghiệp y tế - DS&GD: 658.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 1.913.726.201 đồng, đạt 104% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.7. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.963.489.790 đồng, đạt 99% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.8. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 563.598.000 đồng, đạt 97% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.9. Chi đảm bảo xã hội: 11.352.295.370 đồng, đạt 111% dự toán HĐND huyện giao. Trong đó: Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/NĐ-CP: 5.900.000.000 đồng; kinh phí thực hiện chính sách đối với người uy tín: 82.900.000 đồng; kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách

xã hội tiền điện 3.960.115.504 đồng; ghi thu, ghi chi vốn viện trợ: 1.327.279.866 đồng; sự nghiệp xã hội 82.000.000 đồng. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán giao là do trong năm phát sinh thêm kinh phí để thực hiện các chính sách: Hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136, kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện...

1.2.10. Chi quản lý hành chính: 51.241.943.463 đồng, đạt 106% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.11. Chi quốc phòng: 6.743.926.000 đồng, đạt 120% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.12. Chi an ninh: 1.400.000.000 đồng, đạt 117% dự toán HĐND huyện giao.

1.2.13. Chi khác (Ban chỉ đạo 160; chi hỗ trợ các đơn vị): 535.000.000 đồng.

2. Chi các chương trình mục tiêu: 57.758.138.585 đồng, cụ thể:

2.1. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 45.910.056.151 đồng, trong đó:

2.1.1. Chương trình giảm nghèo bền vững: 44.435.996.151 đồng, cụ thể:

- Chương trình 30a: 43.643.344.751 đồng (bao gồm: Vốn đầu tư 37.341.243.851 đồng; vốn sự nghiệp 6.302.100.900 đồng).

- Chương trình 135: 636.651.400 đồng (vốn sự nghiệp).

- Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 72.000.000 đồng.

- Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: 84.000.000 đồng.

2.1.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 1.474.060.000 đồng (vốn sự nghiệp).

2.2. Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 11.848.082.434 đồng, đạt 51% dự toán HĐND giao, bao gồm:

2.2.1. Chi bổ sung mục tiêu (vốn đầu tư): Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư : 11.162.784.434 đồng.

2.2.2. Chi bổ sung (vốn sự nghiệp): 685.298.000 đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội: 57.828.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động: 19.300.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư: 40.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 427.170.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy: 115.000.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu đảm bảo an toàn giao thông: 26.000.000 đồng.

3. Chi chuyển nguồn: 65.924.091.409 đồng, cụ thể: Chuyển nguồn ngân sách chưa giao cho cơ quan, đơn vị 3.138.330.028 đồng (bao gồm: Tăng thu ngân sách năm 2019 để thực hiện CCTL 888.000.000 đồng; kinh phí người có công cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 340.000.000 đồng; chuyển nguồn từ nguồn thu đấu giá đất 238.400.000 đồng; kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiên điện 564.196.496 đồng; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg 677.169.384 đồng; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư 201.605.397 đồng; Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí 196.058.751 đồng; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK 32.900.000 đồng); chuyển nguồn ngân sách huyện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác: 6.582.658.909 đồng (bao gồm: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 678.347.700 đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 72.140.000 đồng; Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động 700.000 đồng; Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội 12.172.000 đồng; chi các nhiệm vụ khác 5.819.299.209 đồng); chuyển số dư dự toán các đơn vị 56.203.102.472 đồng (bao gồm: Kinh phí nguồn dự phòng ngân sách tỉnh, huyện bổ sung 5.158.021.109 đồng; dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Hộ xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên đến năm 2020 2.149.215.566 đồng; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới vốn sự nghiệp 198.800.000 đồng; kinh phí điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất 20.000.000 đồng; nguồn vốn cân đối ngân sách 520.220.218 đồng; Chương trình 30a vốn đầu tư 47.987.624.691 đồng; kinh phí sự nghiệp giáo dục 169.220.888 đồng).

4. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới: 118.073.499.506 đồng (bao gồm: Chi bổ sung cân đối 69.544.699.506 đồng; chi bổ sung có mục tiêu 48.528.800.000 đồng).

5. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 1.178.745.609 đồng. Bao gồm: Vốn đối ứng Dự án giảm nghèo tỉnh Điện Biên 32.508.125 đồng; Sự nghiệp kinh tế khác 146.435.034 đồng; Dự án 1: Chương trình 30a 405.910.799 đồng, (trong đó: Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo 28.187.714 đồng; Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 77.195.085 đồng; Tiểu dự án 4: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài 300.528.000 đồng); Dự án 2: Chương trình 135: 263.651.655 đồng, (trong đó: Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn, bản ĐBKK 213.208.305 đồng; Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm

nghèo các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn, bản ĐBKK 50.443.350 đồng); Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin 1.764.000 đồng; Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 2.610.000 đồng; Chương trình MTQG XD nông thôn mới (hỗ trợ trực tiếp các xã, chi phí quản lý) 96.388.200 đồng; Chương trình Việc làm và Dạy nghề (cũ) 7.140.000 đồng; Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 755/QĐ-TTg: 7.337.180 đồng; Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương 59.161.381 đồng; Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP) 31.000 đồng; Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định 33/QĐ-TTg 10.000 đồng; Đào tạo cán bộ hợp tác và tổ hợp tác xã 820.000 đồng; Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội 26.000.000 đồng; Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg 72.000.000 đồng; Chương trình phòng chống mại dâm 1.554.000 đồng.

III. QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Quyết toán thu ngân sách

Tổng thu ngân sách cấp xã: 122.191.206.186 đồng, đạt 144% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn: 581.294.422 đồng, đạt 52% dự toán HĐND huyện giao.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 118.073.499.506 đồng, bao gồm:

+ Bổ sung cân đối: 69.544.699.506 đồng.

+ Bổ sung có mục tiêu: 48.528.800.000 đồng,

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 3.182.169.569 đồng.

- Thu kết dư: 354.242.689 đồng.

2. Quyết toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách cấp xã: 121.364.681.562 đồng, đạt 144% dự toán HĐND huyện giao, trong đó:

- Chi đầu tư: 1.777.139.000 đồng.

- Chi thường xuyên: 67.879.045.810 đồng.

- Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia: 45.474.591.409 đồng, trong đó: Vốn đầu tư 33.887.699.260 đồng; vốn sự nghiệp 11.586.892.149 đồng.

- Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: Kinh phí dịch tả lợn Châu Phi (nguồn vốn NSTW): 2.335.000.000 đồng.

- Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 199.081.912 đồng.

- Chi chuyển nguồn: 3.699.823.431 đồng.

3. Chi tiết thu, chi ngân sách các xã, thị trấn

3.1. UBND thị trấn Tủa Chùa

- Thu ngân sách: 7.746.512.091 đồng, đạt 109% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 234.007.919 đồng, đạt 31% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.209.315.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 365.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 836.555.172 đồng; thu kết dư ngân sách 101.634.000 đồng.

- Chi ngân sách: 7.583.372.651 đồng, đạt 107% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi đầu tư 499.200.000 đồng; chi thường xuyên 6.133.900.102 đồng; Chương trình mục tiêu 364.266.167 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách (kinh phí chi thường xuyên) 586.006.382 đồng.

- Kết dư ngân sách: 163.139.440 đồng (bao gồm: Sự nghiệp môi trường 3.259.000 đồng; Chương trình 30a: 300.000 đồng; kinh phí đấu giá đất 6.084.000 đồng; kinh phí dự phòng ngân sách 151.035.607 đồng; Chương trình 135: 2.460.833 đồng).

3.2. UBND xã Mường Báng

- Thu ngân sách: 19.107.646.438 đồng, đạt 189% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 47.880.295 đồng, đạt 48% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 9.434.305.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 9.464.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 161.461.143 đồng.

- Chi ngân sách: 19.073.034.429 đồng, đạt 189% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi đầu tư 1.277.939.000 đồng; chi thường xuyên 7.282.803.321 đồng; Chương trình mục tiêu 8.092.451.025 đồng; chi Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác 2.335.000.000; chi chuyển nguồn ngân sách 84.841.083 đồng (bao gồm: Vốn xỏ số kiến thiết 22.061.000 đồng, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn đầu tư 5.700.083 đồng; Chương trình 30a vốn đầu tư 57.080.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 34.612.009 đồng (bao gồm: Chương trình 30a: 6.267.000 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 22.235.009 đồng; Chương trình 135 (hỗ trợ phát triển sản xuất) 1.350.000 đồng; dự phòng ngân sách 4.760.000 đồng).

3.3. UBND xã Xá Nhè

- Thu ngân sách: 12.381.963.847 đồng, đạt 151% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 47.903.604 đồng, đạt 96% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.398.987.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 5.762.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 169.198.500 đồng, thu kết dư 3.874.743 đồng.

- Chi ngân sách: 12.341.244.847 đồng, đạt 151% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.578.680.000 đồng; Chương trình mục tiêu 5.738.957.000 đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên 3.874.743 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 19.733.104 đồng (bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên

7.459.104 đồng, Chương trình 135 vốn đầu tư 273.000 đồng, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn đầu tư 12.001.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 40.719.000 đồng (bao gồm: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chi phí ban quản lý 8.280.000 đồng; Chương trình 135 vốn sự nghiệp 2.489.000 đồng; dự phòng ngân sách 29.950.000 đồng).

3.4. UBND xã Mường Đun

- Thu ngân sách: 10.105.067.185 đồng, đạt 154% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.000.037 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.675.624.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 4.329.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 78.442.396 đồng; thu kết dư 752 đồng.

- Chi ngân sách: 10.082.869.985 đồng, đạt 154% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.762.064.486 đồng; Chương trình mục tiêu 4.052.637.202 đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên 752 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 268.167.545 đồng (bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên 8.339.947 đồng, Chương trình 135 vốn đầu tư 2.764.598 đồng, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn đầu tư 80.894.000 đồng; Chương trình 30a vốn đầu tư 176.169.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 22.197.200 đồng, (bao gồm: Chương trình 30a: Tiểu dự án 3, hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK 900.000 đồng, duy tu sửa chữa 3.367.200 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Hỗ trợ trực tiếp 268.000 đồng; chi phí ban quản lý 9.300.000 đồng; Chương trình 135: Vốn đầu tư 5.662.000 đồng, vốn sự nghiệp 2.700.000 đồng).

3.5. UBND xã Tủa Thành

- Thu ngân sách: 9.184.512.471 đồng, đạt 135% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 29.050.000 đồng, đạt 132% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.457.251.504 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.389.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 259.210.967 đồng, thu kết dư 50.000.000 đồng.

- Chi ngân sách: 9.130.457.033 đồng, đạt 135% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.715.272.928 đồng; Chương trình mục tiêu 3.388.873.000 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 26.311.105 đồng, (bao gồm: Kinh phí CCTL 600.000 đồng; kinh phí chi thường xuyên 24.868.105 đồng, Chương trình 135 vốn đầu tư 644.000 đồng, Chương trình 30a (hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập) 199.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 54.055.438 đồng, (bao gồm: Chương trình 30a 1.671.000 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 17.849.000 đồng; Chương trình 135: 31.414.438 đồng; dự phòng ngân sách 3.121.000 đồng).

3.6. UBND xã Sính Phình

- Thu ngân sách: 10.534.830.801 đồng, đạt 130% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 26.669.000 đồng, đạt 107% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 6.320.235.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.718.255.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 326.077.112 đồng, thu kết dư 143.594.689 đồng.

- Chi ngân sách: 10.467.288.301 đồng, đạt 129% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 6.013.983.905 đồng; Chương trình mục tiêu 3.626.930.000 đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên 143.594.689 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 682.779.707 đồng, (bao gồm: Kinh phí CCTL 119.823.000 đồng; kinh phí chi thường xuyên 562.956.707 đồng).

- Kết dư ngân sách: 67.542.500 đồng, (bao gồm: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 6.001.000 đồng; hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng 20.000.000 đồng; Chương trình 135: 36.324.000 đồng; kinh phí dự phòng 5.217.500 đồng).

3.7. UBND xã Trung Thu

- Thu ngân sách: 9.718.988.999 đồng, đạt 149% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 28.700.567 đồng, đạt 144% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.123.515.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 4.378.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 188.773.432 đồng.

- Chi ngân sách: 9.653.233.099 đồng, đạt 148% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.153.569.754 đồng; Chương trình mục tiêu 4.327.959.582 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 171.703.763 đồng, (bao gồm: Kinh phí CCTL 8.700.567 đồng; kinh phí chi thường xuyên 131.093.978 đồng; Chương trình 135 vốn đầu tư 13.123.218 đồng; Chương trình 30a (hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập) 18.786.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 65.755.900 đồng, (bao gồm: Chương trình 30a: 7.135.200 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 9.796.000 đồng; Chương trình 135: 7.313.700 đồng; dự phòng ngân sách 41.511.000 đồng).

3.8. UBND xã Tả Phìn

- Thu ngân sách: 8.054.426.892 đồng, đạt 130% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 23.615.000 đồng, đạt 107% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.663.808.992 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.134.745.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 232.257.900 đồng.

- Chi ngân sách: 7.932.065.792 đồng, đạt 128% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.849.270.392 đồng; Chương trình mục tiêu 2.452.953.888 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 629.841.512 đồng, (bao gồm: Kinh phí CCTL 807.500 đồng; Chương trình 135 vốn đầu tư 39.525.612 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn đầu tư 474.763.400 đồng; Chương trình 30a (hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập) 114.745.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 122.361.100 đồng, (bao gồm: Chương trình 30a: 44.957.100 đồng; hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng:

40.000.000 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 6.000.000 đồng; Chương trình 135: 31.404.000 đồng).

3.9. UBND xã Tả Sìn Thàng

- Thu ngân sách: 7.707.396.009 đồng, đạt 128% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 50.750.000 đồng, đạt 102% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.677.105.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 2.714.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 265.541.009 đồng.

- Chi ngân sách: 7.628.218.608 đồng, đạt 127% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.807.738.100 đồng; Chương trình mục tiêu 2.511.210.312 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 309.270.196 đồng, (bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên 232.586.700 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn đầu tư 56.683.496 đồng; Chương trình 30a (hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập) 20.000.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 79.177.401 đồng, (bao gồm: Chương trình 30a: 2.986.192 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 51.861.500 đồng; Chương trình 135: 20.829.709 đồng; dự phòng ngân sách 3.500.000 đồng).

3.10. UBND xã Lao Xả Phình

- Thu ngân sách: 9.147.525.800 đồng, đạt 161% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 20.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 4.794.068.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 4.067.000.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 262.457.800 đồng; thu kết dư 4.000.000 đồng.

- Chi ngân sách: 9.046.627.800 đồng, đạt 159% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 4.823.065.500 đồng; Chương trình mục tiêu 4.021.221.000 đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên 4.000.000 đồng; chi chuyển nguồn ngân sách 198.341.300 đồng, (bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên 158.562.300 đồng; Chương trình 135 vốn đầu tư 7.892.000 đồng; Chương trình 30a vốn đầu tư (hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập) 31.887.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 100.898.000 đồng, (bao gồm: Chương trình MTQ xây dựng nông thôn mới: Vốn đầu tư 94.898.000 đồng, phát triển sản phẩm OCOP 6.000.000 đồng).

3.11. UBND xã Sín Chải

- Thu ngân sách: 10.059.673.455 đồng, đạt 139% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 28.718.000 đồng, đạt 106% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.725.615.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 4.055.500.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 204.701.950 đồng; thu kết dư 45.138.505 đồng.

- Chi ngân sách: 10.006.065.955 đồng, đạt 138% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.412.649.911 đồng; Chương trình mục tiêu 4.181.345.000 đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên 45.138.505 đồng; chi

chuyển nguồn ngân sách 366.932.539 đồng, (bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên 315.206.039 đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn đầu tư 1.726.500 đồng; Chương trình 30a (hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập) 50.000.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 53.607.500 đồng, (bao gồm: Chương trình xây dựng nông thôn mới: 51.279.500 đồng; Chương trình 135 vốn đầu tư 410.500 đồng; Chương trình 30a: 1.917.500 đồng).

3.12. UBND xã Huổi Sớ

- Thu ngân sách 8.442.662.198 đồng, đạt 139% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn 22.000.000 đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao; thu bổ sung cân đối 5.064.870.010 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 3.152.300.000 đồng; thu chuyển nguồn ngân sách 197.492.188 đồng; thu kết dư 6.000.000 đồng.

- Chi ngân sách: 8.420.203.062 đồng, đạt 139 % dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Chi thường xuyên 5.346.047.411 đồng; Chương trình mục tiêu 2.715.787.233 đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên 2.473.223; chi chuyển nguồn ngân sách 355.895.195 đồng, (bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên 351.668.195 đồng; Chương trình 30a (hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập) 4.227.000 đồng).

- Kết dư ngân sách: 22.459.136 đồng, (bao gồm: Kinh phí cai nghiện ma túy cộng đồng 9.761.477 đồng; Chương trình 30a: 1.768.200 đồng; Chương trình 135 (duy tu, bảo dưỡng) 10.529.459 đồng; Chương trình nông thôn mới 400.000 đồng).

IV. KẾT DƯ NGÂN SÁCH

Tổng kết dư ngân sách địa phương năm 2019: 1.025.606.536 đồng, trong đó:

- Kết dư ngân sách huyện: 199.081.912 đồng, bao gồm: Kinh phí hỗ trợ giống muối theo Quyết định 102/QĐ-TTg 4.000.000 đồng; Đường dân sinh thôn Đun Nưa xã Mường Đun (CT 135 vốn đầu tư) 752 đồng; Nước sinh hoạt cụm Phàng Mủ Phình, thôn Hấu Chua, xã Sín Chải theo QĐ 755/QĐ-TTg 30.264.000 đồng; Kênh mương thôn Séo Mí Chải, xã Sín Chải theo Quyết định QĐ 755/QĐ-TTg 14.874.505 đồng; Nước sinh hoạt thôn Dê Dàng 1, xã Sính Phình theo QĐ 755/QĐ-TTg 63.311.000 đồng; Công trình nước sinh hoạt thôn Phi Dinh 1, xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa (vốn Ai Len) 13.012.000 đồng; Đường giao thông Đề Dê Hu - Phiêng Páng xã Sính Phình (vốn Ai Len) 67.271.689 đồng; Đường giao thông Sính Sủ 1 - Sính Sủ 2 xã Xá Nhè (vốn Ai Len) 3.874.743 đồng; Kinh phí CTMT xây dựng nông thôn mới 2.473.223 đồng.

- Kết dư ngân sách xã: 826.524.624 đồng, bao gồm: Chương trình 30a: Vốn đầu tư 840.000 đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng giảm nghèo 6.900.000 đồng, duy tu cơ sở hạ tầng 62.629.392 đồng; Chương trình 135: Vốn đầu tư 110.456.347 đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo 13.563.000 đồng, duy tu cơ sở hạ tầng 12.990.292 đồng; Chương trình

MTQG xây dựng nông thôn mới: Vốn đầu tư 184.681.009 đồng, vốn sự nghiệp 87.486.000 đồng; sự nghiệp môi trường 3.259.000 đồng; dự phòng ngân sách 262.656.607 đồng; người có công cách mạng 60.000.000 đồng; kinh phí đấu giá đất 6.084.000 đồng; kinh phí chi thường xuyên khác 14.978.977 đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục biểu đính kèm)

Trên đây là Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2019, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT. Huyện uỷ, TTHĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Bình